TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số:42/2018/QĐST- HNGĐ	*Kim Động, ngày 11 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 49/2018/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trương Quốc Đ, sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 1, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Tào Thị T, sinh năm 1989.

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã Thọ V, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Trương Minh N, sinh ngày 24/02/2015.

Người đại diện cho cháu N là chị Tào Thị T, sinh năm 1989.

Đều ĐKHKTT: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**:** Anh Trương Quốc Đ, sinh năm 1990; Nơi ĐKHKTT: Xóm 1, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình và chị Tào Thị T, sinh năm 1989; Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã Thọ Vinh, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Quốc Đ và chị Tào Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Đ và chị T sinh được một con chung là cháu Trương Minh N, sinh ngày 24/02/2015. Anh Đ và chị T thỏa thuận, chị T sẽ tiếp tục nuôi cháu N cho đến

khi cháu đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Anh Đ và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Đ tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí STLH, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 007347 ngày 13/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động.

Hoàn trả anh Đ 150.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 007347 ngày 13/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Nơi nhận:
- Phòng KTNV &THA Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.